

Trần Tiêu (1900 - 1954)

GS. Hà Minh Đức

Viện Văn học

Trong Tự lực văn đoàn ngoài ba thành viên Thế Lữ, Xuân Diệu, Tú Mỡ, còn lại gồm hai nhóm có quan hệ thân thích họ hàng. Nhất Linh, Hoàng Đạo và Thạch Lam là ba anh em ruột. Khái Hưng và Trần Tiêu cũng có quan hệ anh em ruột thịt. Trong các thành viên mỗi người có một vẻ riêng. Trần Tiêu là người ít được báo chí nhắc đến nhưng ông có một sở trường riêng là cây bút có hạng về làng quê Việt Nam. Các tác phẩm chính của Trần Tiêu Con trâu (1940), Chồng con (1941), Sau lũy tre (1942), Tập truyện ngắn (1942). Trần Tiêu quê ở xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Kiến An (nay thuộc Hải Phòng) trong một gia đình quan lại. Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng tiểu học Trần Tiêu đi dạy học tư và viết văn. Sáng tác của Trần Tiêu nằm trong khuôn khổ hoạt động văn chương của Tự lực văn đoàn. Sau cách mạng tham gia hoạt động ở Hội đồng nhân dân xã trong một hai năm đầu kháng chiến chống Pháp. Nông thôn Việt Nam vốn là đề tài lớn thu hút sự quan tâm của nhà văn ở nhiều thời kỳ khác nhau. Vẫn còn đó những trang viết về làng quê Nam Bộ của Hồ Biểu Chánh, Bửu Đình với những đặc điểm riêng của người nông dân Nam Bộ. Bước sang thời kỳ hiện đại những tác phẩm viết về làng quê như Bước đường cùng của Nguyễn Công Hoan, Tắt đèn của Ngô Tất Tố, Vỡ đê của Vũ Trọng Phụng, Chí Phèo của Nam Cao đều rất thành công. Hai nhân vật điển hình về nông dân là chị Dậu (Tắt đèn) và Chí Phèo (Chí Phèo) đều có sức sống với tính khái quát cao và tình riêng sinh động. Trần Tiêu được dư luận chú ý nhiều đến Con trâu, tác phẩm viết về cuộc đời vất vả của người nông dân mơ ước cuộc sống yên bình, đủ ăn đủ mặc. Trần Tiêu không thi vị hoá nông thôn như một số nhà văn lãng mạn của Tự lực văn đoàn, như những trang viết của Hoàng Đạo trong Con đường sáng hoặc nhiều truyện ngắn thơ mộng của Thạch Lam. Trần Tiêu có cái nhìn thực tế của một người sống gần gũi với làng quê. Ông cũng muốn khảo sát về phong tục tập quán của nông thôn, một công việc hứng thú được nhiều nhà văn yêu thích như Ngô Tất Tố, Tô Hoài. Trong bài viết Cha tôi - nhà văn Trần Tiêu, giáo sư Trần Bảng viết: “Cha tôi chỉ viết về quê mình. Những nhân vật trong truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn của ông đều lấy nguyên mẫu ở quê mình mà ông gọi chệch là làng Cầm. Những người ở làng Cổ sống xa quê hương đọc truyện ông đều có thể nhận ra ngay nhân vật mà ông miêu tả dù đã đổi tên là những ai ở trong làng. Ông sống hàng ngày với nhân vật của mình, yêu mến họ. Và không phải chỉ người mà cảnh vật xung quanh cũng trở thành nguồn vui sống của ông”(1). Tuy nhiên phong tục tập quán không tách khỏi các mối quan hệ hiện hành. Giai cấp phong kiến địa chủ, bọn cường hào cũng khai thác phong tục tập quán nhất là các hủ tục để kiếm lời. Người nông dân nghèo nhiều khi là nạn nhân của tục lệ làng. Trần Tiêu trong tác phẩm của mình ít đụng chạm đến những xung đột giai cấp do đó sự khảo sát thăm dò có thể thành công ở nhiều bình diện nhưng không dễ tìm ra cái đáy, mặt bản chất của vấn đề. Tác phẩm Con trâu của Trần Tiêu được xem là thành công nhất của tác giả là một bức tranh chân thực, tỉ mỉ về làng quê Việt Nam mà nhân vật chính là gia đình bác Chính, người nông dân hiền lành, kiếm sống vất vả. Đời sống lên xuống theo mùa vụ, năm được mùa, năm mất mùa, rồi sưu thuế, tục lệ làm cho gia đình không ngóc đầu lên được. Bác Chính có một mơ ước là tậu một con trâu cái “con trâu là đầu cơ nghiệp” nhưng rồi điều mong ước ấy suốt đời không thực hiện được. Trần Tiêu đã khéo miêu tả một con trâu cái qua cách nhìn của bác Chính “Con trâu nằm gập hai chân trước, một chân sau hơi ruỗi để lộ bộ vú hồng phơn phớt lông tơ trắng. Nó không buồn để ý đến bác, tư lự như một nhà triết học, cặp mắt lơ lơ nhìn đâu đâu”(2). Nhưng rồi nó đã nằm trong mơ ước và tâm trí của nhân vật “Từ hôm ấy không mấy chiều là bác không dừng chân đứng ngắm con trâu của cán Thân sau những buổi làm lụng vất vả. Bác mê nó như mê gái. Chiều nào không được gặp nó bác nhớ ngơ ngẩn như người thiếu thốn sự gì. Một con trâu cái. Ngoài vợ con ra nó sẽ là người bạn thân của bác, bao giờ cũng sẽ theo lệnh bác, cùng bác phơi mình dưới mưa rằm, nắng gắt để làm giàu cho bác, để vợ con bác được mát mẻ mát mặt”(3). Bác Chính lao vào công việc để có thể thực hiện mơ ước của mình. Công việc vất vả, sức lực có hạn và bác Chính đã ngã xuống trên ruộng cày và

cuối cùng người nông dân nghèo khổ trước khi nhắm mắt còn lẩm nhẩm “con trâu cái, con trâu cái”...

Cái bi kịch ấy tưởng như không có nguyên nhân trực tiếp nhưng thực ra đó là hậu quả nghiệt ngã của chế độ thực dân phong kiến ở làng quê Việt Nam. Nhà văn Vũ Ngọc Phan nhận xét: “Nếu muốn tìm những việc oái oăm, những cơ mưu lắt léo trong Con trâu người ta sẽ không bao giờ thấy cả. Ở tập truyện này chỉ diễn ra rất những việc rất thường trong lũy tre xanh, những việc hàng ngày của dân quê Việt Nam”. Đúng là cái tưởng như bình thường lại trở thành không bình thường vì số phận của nhân vật chính từ mơ ước đến chỗ mệt mỏi, mòn mỏi và chịu đựng cái chết. Con trâu, con vật quý của người nông dân ảnh hưởng khá trực tiếp đến cuộc sống của một gia đình nông dân. Nhìn những cảnh làng quê thiếu trâu bò, người phải kéo cày thay trâu càng thấy đau lòng. Cũng vì thế người nông dân chăm sóc, bảo vệ trâu như con vật thân thiết. Trong văn học Việt Nam thời hiện đại hình bóng con trâu cũng đi vào nhiều tác phẩm như Con trâu của Nguyễn Văn Bổng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Con trâu hai nhà của Trần Bằng trong thời kỳ hợp tác hoá nông nghiệp. Dù ở giai đoạn nào thì đó cũng là vốn quý mà người nông dân nghèo trước đây không dám mơ ước.

Trần Tiêu khi viết về nông thôn tác giả đã đụng chạm được đến hai vấn đề rất quen thuộc tưởng như bình thường mà gợi nhiều thông cảm xót xa, đó là cái nghèo và những phong tục tập quán gò bó lạc hậu của làng quê. Trong Truyện quê tác giả miêu tả cảnh gia đình bác xã Chùng: “Cảnh chiều tịch mịch. Sắc trời u ám lúc ấy như dành riêng cho nhà bác xã Chùng. Cảnh trong nhà mới lại càng thâm thẳm. Trên cái sân đất nền rộng độ bốn mảnh chiếu kê một cái chõng tre và một cái phản mộc. Một ấm nước sứt vôi, vài ba cái bát sành mẻ miệng, một cái điều da lươn, một cái khay gỗ tạp đựng giàu cau và một cái đèn hoa kỳ ngọn xanh ngắt vì quá nhỏ để hoon độn trên mặt phản”(4).

Cuộc sống của người nông dân nghèo như bầu không khí ảm đạm về chiều ám ảnh các trang sách. Tiểu thuyết của Trần Tiêu không có những xung đột gay gắt, cảnh đánh đập tra tấn của quan lại và bọn giàu có tàn ác với dân nghèo nhưng người nghèo vẫn rơi vào thảm cảnh trong cảnh đời nghèo khổ, trăm chuyện thường đổ lên đầu người vợ: “Nhà bác mỗi ngày một sút kém, tuy bác, chồng bác, con gái bác đã hết sức làm lụng tằn tảo, không phí phạm một cái tơ, cái tóc. Mà không hiểu sao trong năm nay bác động mó vào việc gì là hỏng việc ấy. Dệt vải thì vải rẻ, sợi cao. Nuôi gà thì gà to. Nuôi lợn thì cám đắt. Mấy tháng nay bác xoay ra làm hàng xáo. Lúc đầu còn có lãi. Đến bây giờ gạo tự nhiên cứ mỗi ngày một hơn mãi lên mà thóc đọng trong các nhà giàu (nhà giàu mới có thóc bán) thì cứ phải chịu cái giá cũ. Nói rất cổ bông hòng họ mới chịu bớt cho mỗi đấu một trinh. Khéo lắm họa may mới được lãi ít cám”(5).

Về nông thôn những trang viết của Trần Tiêu chân thực và giàu cảm xúc. Tác giả không thờ ơ, đứng ngoài cuộc, cũng không can thiệp trực tiếp vào số phận nhân vật. Tác giả để cho câu chuyện tự nó phát triển, và các nhân vật hoạt động tự nhiên. Nhà văn Kim Lân cũng rất thích những trang viết của Trần Tiêu. Ông nhận xét: “Tác giả này khai thác những nét bình dị, chân thật của nông thôn, không thi vị hoá, cũng không nặng nề trần tục. Tôi rất thích tác phẩm Con trâu của Trần Tiêu. Con trâu là đầu cơ nghiệp. Xoay quanh chuyện con trâu thực chất là chuyện con người”. Trần Tiêu viết về cuộc sống của làng quê trong làm ăn, lo toan, chân thực và không cường điệu. Nhịp sống chung của làng quê dần đi xuống và ngày càng khó khăn. Người nông dân cũng chỉ có một hướng giải thoát là ra sức chăm chỉ làm ăn dành dụm cho cuộc sống khấm khá dần lên với thái độ cam chịu và chờ mong. Làng quê ít xáo trộn. Những phong tục cho dù là tục lệ tốt cho nề nếp cha ông để lại hay hủ tục đều tồn tại trong khung của lũy tre làng. Một số nhà văn của Tự lực văn đoàn cũng viết về làng quê nhưng tác phẩm có phần xa lạ. Trần Tiêu am hiểu cuộc sống ở nông thôn. Cũng như Ngô Tất Tố, Tô Hoài, ông là nhà văn chuyên về phong tục và những tri thức về làng xã giúp ích cho việc tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc. Nhà văn Vũ Ngọc Phan cũng chỉ ra những hủ tục ở làng quê trong tác phẩm Trần Tiêu: “Những tục chạy chữa trong khi có bệnh nào cúng lễ, nào bốc mộ bốc mả, những thói mê tín trong khi có thiên tai (nào cúng thần, nào cầu đảo) mà rồi khổ sở vẫn hoàn khổ sở, chết chóc vẫn hoàn chết chóc thật là những thói tục bất di bất dịch của người dân quê Việt Nam mà Trần Tiêu đã tả rất đúng rất tỉ mỉ” (Nhà văn hiện đại). So sánh về việc miêu tả các hủ tục ở

làng quê thì Ngô Tất Tố trong *Việc làng* viết tập trung miêu tả sắc nét và chỉ ra một số căn bệnh nguy hiểm của nông thôn Việt Nam. Bọn quan lại cường hào trực tiếp can thiệp vào những công việc này. Ngòi bút của Ngô Tất Tố trực diện đã kích vào chủ trương bảo tồn hủ tục của thực dân phong kiến, một mặt cũng chỉ ra những hạn chế của chính người nông dân.

Trần Tiêu với cách nói gián tiếp đôi lúc cũng đề cập đến những vấn đề này. Miêu tả những nhân vật có chức sắc ở làng xã, Trần Tiêu châm biếm các quan viên trong ngày hội lễ: “Ngoài đường cái các ông lý, khán, xã đi lại tấp nập, chiếc quạt “đánh chó” cài trong cổ áo hoặc giắt ra sau lưng. Những chân bàn cuốc xỏ vào những đôi guốc quai lốp ô tô gõ lên đường gạch côm cốp. Có nhiều ông giương chiếc ô to tuy giờ còn râm”(6).

Tác phẩm Trần Tiêu miêu tả nhiều nhân vật có quyền chức ở làng quê: ông huyện, ông chánh và rất nhiều ông Lý: Lý Tảo, Lý Thạch, Lý Nhân, Lý Tùng, Lý Cúc, Lý Chính... Không có một gương mặt nào có tư cách. Với quan trên thì khúm núm, với dân làng thì hồng hách, tham lam, thái độ cư xử thiếu văn hóa.

Trần Tiêu cũng đề cập đến một căn bệnh đáng chê trách và phê phán của người nông dân, đó là tình trạng tha hóa, biến chất. Anh xã Chính trong truyện *Sau lũy tre* đã từ một nông dân chất phác, vui tươi trở thành ông lý trên sai bảo, dưới oán trách. Trần Tiêu đã chỉ rõ sự đổi thay của nhân vật với tinh thần phê phán: “Trước kia còn là anh nông phu, anh xã Chính thì tính anh rất siêng năng cần mẫn và ngoài việc làm anh chỉ biết săn sóc chiều chuộng vợ con. Ngày nay sống trong địa vị ông lý anh chỉ nghĩ đến anh, nghĩ đến ngôi thứ của anh khi anh đứng trước bọn cán xã. Anh khinh miệt hẳn đám nông phu mà anh cho là hạng không đáng kể đến. Anh quên hẳn rằng anh trước kia cũng ở trong bọn họ mà ra. Hoàn cảnh đã nung đúc anh theo khuôn khổ khác”(7). Ý tưởng này của Trần Tiêu thuộc về chủ nghĩa hiện thực. Và tiếp tục diễn biến theo thời gian, sau một số năm làm việc trở thành ông cự, có thêm đĩa xôi miến thịt và dư chút quyền thế hão nhưng thực chất số phận lụn bại dần.

Trong các tác phẩm viết về làng quê *Chồng con* của Trần Tiêu cũng gợi nhiều suy nghĩ về số phận của người phụ nữ nông thôn. Qua chuyện *Chồng con* nhà văn Kim Lân cho rằng Trần Tiêu đã chỉ ra một thứ nợ nần “không phải nợ cờ bạc mà là nợ chồng con - Chồng con là cái nợ nần. Thà rằng ở thế nuôi thân béo mẫm”. Căn bệnh trọng nam khinh nữ còn rất nặng ở làng quê và mang nhiều sắc thái khác nhau. Người phụ nữ khi lấy chồng tạm kết thúc cuộc đời tươi trẻ của người con gái. Họ phải chịu đựng biết bao chuyện khổ sở bất công ngoài xã hội, trong gia đình và chính họ cũng là nạn nhân của người chồng. Vợ chồng xã Bồng lấy nhau, chồng khỏe mạnh, vợ tươi trẻ. Chồng không rượu chè, cờ bạc nhưng thích chơi đùa. Họ lấy nhau bảy tám năm mà chưa có con. Chị vợ theo cách tả của Trần Tiêu thì không phải là một cây khô điếc mà “nàng lúc nào xuân tình cũng nồng nàn. Nàng sớm dậy thì. Từ năm nàng mười lăm mười sáu đứng trước trai tơ nàng đã thấy nóng bừng cả mặt vì thế mà nàng có vẻ thẹn thùng e lệ. Vài năm nay tình nhục dục của nàng càng thêm bông bột. Nàng dĩ người nhưng không dĩ nét. Nhờ có nét mà nàng không đến nỗi ngoại tình và còn giữ được trinh khí về nhà chồng. Còn chồng nàng? Nàng thấy chồng nàng có tính lãnh đạm, thờ ơ ít khi nồng nàn như nàng. Hay là tại thế mà nàng hiếm hoi”(8). Thế rồi người phụ nữ cũng sinh con, hai gái một trai và một mình cáng đáng toàn bộ công việc gia đình: chăm mẹ già, dệt cửi, nuôi con. Người đàn ông bỏ thú chơi đùa và chuyển sang cờ bạc, rượu chè. Thời gian trôi qua, người phụ nữ “đi người” và “không dĩ nét” ấy vẫn chung tình và trở thành bà lão lại chăm nom con cái cho thế hệ tiếp theo. Vũ Ngọc Phan nhận xét: “Bà Lý của Trần Tiêu thật là người đàn bà tiêu biểu cho rất nhiều phụ nữ thôn quê Bắc Kỳ, họ là những người “hết khổ về chồng lại khổ về con” mà suốt đời yên lặng làm ăn không hề ta thán. Vu Gia trong Trần Tiêu nhà văn độc đáo của Tự lực văn đoàn nhận xét: “Chồng con đủ hấp dẫn để căng mắt người đọc từ trang đầu tới trang cuối. Qua từng chương người đọc buồn vui theo cuộc đời của chị xã Bồng, tức giận trước những thứ lệ làng không thể chấp nhận được, hoan hỉ trước những tấm lòng rộng mở của những người chòm xóm. Nhờ vậy sau khi phát hành tiểu thuyết *Chồng con* của Trần Tiêu được Hội Phụ nữ Sài Gòn trao giải (1942).

Trong tập Chồng con có nhiều đoạn tả cảnh thôn quê vừa chân thực có màu sắc lại vừa sinh động.

Trần Tiêu qua các tác phẩm viết về làng quê đã chứng tỏ ông có vốn sống phong phú về nông thôn. Làng quê như một đề tài, được người viết đầu tư, trân trọng qua sáng tác. Ông không viết về những người dân quê như chuyện tạt ngang, ngẫu hứng, hoặc chạy theo phong trào. Trần Tiêu viết về những người nghèo khổ với sự thương cảm giàu tính nhân văn. Không có những khoảng cách và cách nhìn xa lạ. Làng quê trong tác phẩm của Trần Tiêu như những bức tranh buồn, tĩnh lặng tuy không xáo trộn nhiều nhưng vẫn mang tính bi kịch như bao làng quê trong cuộc đời cũ. Tuy nhiên người nông dân không biến chất và vẫn giữ được bản sắc chân quê của mình./.

(1) Trần Bảng: Cha tôi nhà văn Trần Tiêu, trong sách Trần Tiêu nhà văn độc đáo của Tự lực văn đoàn (Vu Gia biên soạn). Nxb. Thanh niên, H, 2006, tr.406.

(2), (3) Văn xuôi lãng mạn Việt Nam, tập 6. Nxb. Khoa học xã hội, H, 1989, tr.85.

(4), (5), (6), (7) Sđd, tr.7, 63, 50, 72.

(8) Văn chương Tự lực văn đoàn, tập 3. Nxb. Giáo dục, H, 1999, tr.871.